TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **40**/2026/HS-ST
Ngày: 12-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ánh
Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Nguyễn Thị Lý
+ Ông Đặng Văn Khánh
Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nguyễn Viết Cường
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 105/2025/TLST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2026/QĐXXST–HS ngày 26 tháng 02 năm 2026 đối với các bị cáo:

1/ Từ Nhật Hoàng, tên gọi khác: Đùm, Ròm A; sinh ngày 12 tháng 9 năm 1979 tại Đà Nẵng; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ C, phường A, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Từ Văn P (sinh năm: 1950) và bà Ngô Thị C (sinh năm: 1951); có hai con: lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm: 2013.

Tiền án: Bản án số 02/2022/HSST ngày 06/01/2022 của TAND quận Hải Châu (cũ), thành phố Đà Nẵng tuyên phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 07/11/2024. (Chưa bồi thường dân sự 17.245.000 đồng)

Tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2025 đến nay tại Phân trại tạm giam H - Trại tạm giam số 01, Công an thành phố Đ.*Có mặt tại phiên toà.*

2/ Đặng Trần Tánh L, tên gọi khác: Không; sinh ngày 01 tháng 01 năm 1985 tại thành phố Đà Nẵng; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ B, phường A, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng S (sinh năm: 1953) và bà Trần Thị B (sinh năm: 1953); có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm: 2022.

Tiền án:

- Ngày 27/8/2004 bị TAND Tối cao tại Đà Nẵng tuyên phạt 03 năm tù về tội

“Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 BLHS theo Bản án số 662/HSPT. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 31/8/2006. (Chưa chấp hành xong phần nghĩa vụ bồi thường thiệt hại).

Tiền sự: Không

Nhân thân:

- Ngày 30/01/2002 bị TAND thành phố Đà Nẵng tuyên phạt 10 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 19/HSST, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 11/6/2002.

- Ngày 07/8/2009 bị TAND thành phố Đà Nẵng tuyên phạt 48 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án số 178/2009/HSPT. Chấp hành xong án phạt tù vào ngày 16/7/2012.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2025 đến nay tại Phân trại tạm giam H - Trại tạm giam số 01, Công an thành phố Đ. *Có mặt tại phiên toà.*

3/Phạm Văn H1, tên gọi khác: Không; sinh ngày 02 tháng 4 năm 1986 tại Đà Nẵng; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ F, phường T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không rõ và bà Phạm Thị H (sinh năm: 1965).

Tiền án:

- Bản án số 35/2006/HSPT ngày 23/3/2006 của TAND thành phố Đà Nẵng tuyên phạt 10 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/02/2013.

- Bản án số 145/2019/HSST ngày 28/11/2019 của TAND quận Thanh Khê (cũ), thành phố Đà Nẵng tuyên phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/02/2021.

- Bản án số 26/2022/HSST ngày 16/5/2022 của TAND quận Cẩm Lệ (cũ), thành phố Đà Nẵng tuyên phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/01/2025.

Tiền sự: Không

Nhân thân:

- Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 11/6/2003 của UBND quận T (cũ), thành phố Đà Nẵng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Quyết định số 222/QĐ-VPHC ngày 13/6/2019 của C2 (cũ), thành phố Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi trộm cắp tài sản.

- Quyết định số 65/2019/QĐ-TA ngày 04/7/2019 của TAND quận Thanh Khê (cũ), thành phố Đà Nẵng ra QĐ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 15 tháng.

- Ngày 08/7/2019, bị Công an phường C, quận T (cũ), thành phố Đà Nẵng ra QĐ xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc trái phép.

- Quyết định số 05/QĐ-TA ngày 11/02/2022 của TAND quận Cẩm Lệ (cũ), thành phố Đà Nẵng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 15 tháng.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2025 đến nay tại Phân trại tạm giam H - Trại tạm giam số 01, Công an thành phố Đ.*Có mặt tại phiên toà.*

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Trần Thị Nguyên P1, sinh năm: 2006; Địa chỉ: P, căn hộ A, phường A, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Bà Trần Thị B, sinh năm: 1953; Địa chỉ: 1 T, phường A, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Q, sinh năm: 1963; Địa chỉ: Thôn C, xã N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Ông Phạm Văn C1, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Tổ F, phường T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 15 phút ngày 23/4/2025, Từ Nhật Hoàng đến phòng trọ của Đặng Trần Tánh L tại dãy trọ đối diện nhà số K đường T, tổ B, phường A, thành phố Đà Nẵng để rủ L cùng sử dụng trái phép ma tuý đá thì L đồng ý nên H2 đưa cho L số tiền 300.000đồng để mua ma tuý.

Tiếp đó, L lấy điện thoại di động hiệu N màu đen, gắn sim số 0905.402480 gọi điện thoại cho Phạm Văn H1 nhờ H1 mua giúp 300.000 đồng ma tuý đá và đem đến cùng sử dụng với L và H2 thì H1 đồng ý. Lúc này, L nhìn thấy chị Trần Thị Nguyên P1 đang dừng xe bên đường, L đưa số tiền mặt 300.000 đồng rồi nhờ chị P1 chuyển khoản lại 300.000 đồng vào tài khoản cá nhân của L tại ngân hàng V, số tài khoản 0009343299865. Chị P1 không biết L sử dụng tiền này nhằm mục đích gì nên đồng ý chuyển khoản cho L.

Từ tài khoản cá nhân của mình, L chuyển tiếp số tiền này đến tài khoản Ngân hàng TMCP P2 (O), số tài khoản 0763648364 của Phạm Văn H1. Sau khi nhận được tiền, H1 mới điều khiển xe mô tô hiệu Attila biển kiểm soát 92F1-033.53 đến khu vực dưới chân cầu vượt H, thuộc địa bàn phường A, thành phố Đà Nẵng gặp người tên D (không rõ lai lịch) mua 01 gói nilon kích thước khoảng (4x6) cm bên trong chứa ma tuý với giá 300.000đồng bằng tiền mặt của H1, rồi mang về phòng trọ của L.

Tại đây, khi có đủ H2, L, H1 thì L lấy bộ dụng cụ sử dụng ma tuý đá có sẵn trong phòng trọ ra, trích dần ma tuý trong gói nylon H1 mang đến cho vào nỏ thuỷ tinh rồi cả ba thay nhau đốt lên để hút. Đến 13 giờ 30 phút cùng ngày, trong lúc cả ba vẫn đang sử dụng trái phép ma tuý thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang.

Tại kết luận giám định số 317/KL-KTHS ngày 29/4/2025 của Phòng K công an thành phố Đ kết luận: Trong các mẫu nước tiểu niêm phong ký hiệu C1, C2, C3 gửi giám định đều tìm thấy chất ma tuý loại Methamphetamine. (không hoàn trả lại đối tượng giám định).

Tại kết luận giám định số 318/KL-KTHS ngày 29/4/2025 của Phòng K công an thành phố Đ kết luận: Tinh thể rắn màu trắng trong gói nylon thu giữ tại hiện

trường là ma tuý, loại Methamphetamine, khối lượng 0,268gam.

Vật chứng thu giữ:

- 01 gói nylon bên trong chứa tinh thể rắn màu trắng, được niêm phong ký hiệu A, cả ba khai nhận là ma tuý đang sử dụng dở thì bị bắt.

- 01 nỏ thuỷ tinh có một đầu tròn, bên trong nỏ có bám dính chất màu trắng và mụn than màu đen, được niêm phong ký hiệu B;

- Mẫu nước tiểu của các bị caó Từ Nhật H2, Đặng Trần Tánh L và Phạm Văn H1 được niêm phong trong các chai nhựa được đánh ký hiệu lần lượt là C1, C2 và C3.

- 01 chai nhựa trên nắp chai có gắn ống hút;

- 01 bật lửa gas màu đỏ;

- 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu tím, số Imei 1: 861482066078609, số Imei 2: 861428055136908 gắn sim số 0763.648.364 của Phạm Văn H1;

- 01 điện thoại di động Xiaomi màu đen, số Imei 1: 861482066078609, số Imei 2: 961482066078617 gắn sim số 0908.332177 và sim số 0343.299865 của Đặng Trần Tánh L;

- 01 điện thoại di động Samsung màu xanh bị hỏng, không sử dụng được của Đặng Trần Tánh L;

- 01 điện thoại di động hiệu N màu đen, gắn sim số 0905.402480 do bà Trần Thị B (là mẹ ruột của Đặng Trần Tánh L) giao nộp.

- 01 xe mô tô hiệu Attila màu đen, BKS 92F1-033.53.

Tại Cáo trạng số 47/CT-VKS ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Đặng Trần Tánh L và Phạm Văn H1 về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* quy định tại điểm b, h khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Từ Nhật H2 về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước giữ nguyên quan điểm đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất vụ án, nhân thân, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Đặng Trần Tánh L phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* đề nghị áp dụng: điểm b, h khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Đặng Trần Tánh L mức án từ 08 năm đến 09 năm tù và không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H1 phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* đề nghị áp dụng: điểm b, h khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Phạm Văn H1 mức án từ 08 năm đến 09 năm tù và không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Tuyên bố bị cáo Từ Nhật H2 phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* đề nghị áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo T Nhật Hoàng mức án từ 08 năm đến 09 năm tù và không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

Tịch thu tiêu hủy:

01 gói nylon bên trong chứa ma tuý, 01 nỏ thuỷ tinh và vỏ bao gói mẫu, sau khi phục vụ giám định, được niêm phong trong 02 bì thư (hoàn trả theo kết luận giám định số 318/KL-KTHS ngày 29/4/2025); 01 chai nhựa trên nắp chai có gắn ống hút, 01 bật lửa gas màu đỏ.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

- 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu tím, gắn sim số 0763.648.364 của Phạm Văn H1, được bị cáo dùng để liên lạc trong quá trình phạm tội.

- 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi màu đen gắn sim số 0908.332177 và sim số 0343.299865 của bị cáo Đặng Trần Tánh L dùng để chuyển tiền cho Phạm Văn H1 mua ma tuý.

- 01 điện thoại di động Samsung màu xanh bị hỏng, không sử dụng được của Đặng Trần Tánh L, đề nghị trả lại cho L nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

- 01 điện thoại di động hiệu N màu đen, gắn sim số 0905.402480 của bà Trần Thị B, Đặng Trần Tánh L đã tự ý lấy điện thoại liên lạc với Phạm Văn H1 trong quá trình phạm tội, bà B không biết nên đề nghị trả lại cho bà B.

Tại phiên tòa, các bị cáo Từ Nhật H2, Đặng Trần Tánh L, Phạm Văn H1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố là đúng. Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà hôm nay, các bị cáo Từ Nhật Hoàng, Đặng Trần Tánh L, Phạm Văn H1 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 23/4/2025, tại dãy trọ đối diện nhà số K đường T, tổ B, phường A, thành phố Đà Nẵng, các bị cáo Từ Nhật H2, Đặng Trần Tánh L và Phạm Văn H1 đã cùng nhau thực hiện hành vi chuẩn bị địa điểm, công cụ, đồng thời cung cấp ma túy loại Methamphetamine để vừa thỏa mãn nhu cầu sử dụng của bản thân vừa tổ chức cho những người khác sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với bị cáo Đặng Trần Tánh L, trước đó vào ngày 27/8/2004 đã bị Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" theo Bản án số 662/HSPT và được xác định là tái phạm, chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2006, đến nay vẫn chưa được xóa án tích. Đối với bị cáo Phạm Văn H1, theo Bản án số 35/2006/HSPT ngày 23/3/2006 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, bị cáo bị xử phạt 10 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích", chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/02/2013; đây là tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý và đến nay cũng chưa được xóa án tích. Cả hai bị cáo đều tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý khi chưa được xóa án tích.

Căn cứ khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự, trường hợp đã tái phạm mà chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý, hoặc đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng do cố ý mà chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý thì thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, hành vi lần này của các bị cáo Đặng Trần Tánh L và Phạm Văn H1 được xác định là tái phạm nguy hiểm.

Từ các căn cứ trên, có đủ cơ sở pháp lý để xác định bị cáo Từ Nhật H2 phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; còn các bị cáo Đặng Trần Tánh L và Phạm Văn H1 phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b, h khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng số 47/CT-VKS ngày 31/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Đà Nẵng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo thì thấy:

Trong vụ án này, các bị cáo đều nhận thức được tác hại của ma túy đối với con người, kinh tế, xã hội, nhận thức rõ hành vi tổ chức sử dụng, tàng trữ ma túy là bị pháp luật nghiêm cấm. Tuy nhiên, để thỏa mãn nhu cầu sử dụng của bản thân các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo là rất nghiêm trọng,có tính đồng phạm, vi phạm chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của nhà nước; làm gia tăng tình hình tội phạm tại địa phương, ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Hội đồng xét xử xét thấy: Cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo sớm trở thành một công dân tốt cho gia đình và xã hội, làm gương cho những người có ý định phạm tội.

Xét vai trò của từng bị cáo:

Đối với bị cáo Đặng Trần Tánh L: Bị cáo L giữ vai trò chính trong vụ án, là người trực tiếp nhận tiền từ bị cáo H2 để mua ma túy, chủ động liên hệ với bị cáo H1 để nhờ mua ma túy, đồng thời chuẩn bị địa điểm và dụng cụ sử dụng ma túy tại phòng trọ của mình để các bị cáo cùng sử dụng. Sau khi H1 mang ma túy đến, L là người lấy ma túy cho vào nỏ thủy tinh để các bị cáo thay nhau sử dụng.

Về nhân thân, bị cáo L có nhiều tiền án: ngày 30/01/2002 bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 10 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản"; ngày 27/8/2004 bị Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" theo Bản án số 662/HSPT; ngày 07/8/2009 bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 48 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Mặc dù đã nhiều lần bị kết án nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội. Lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy

hiểm, nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với vai trò và nhân thân của bị cáo.

Đối với bị cáo Phạm Văn H1: Bị cáo H1 giữ vai trò giúp sức tích cực, là người trực tiếp đi mua ma túy theo yêu cầu của bị cáo L và mang ma túy đến phòng trọ của L để các bị cáo cùng sử dụng, góp phần quan trọng vào việc thực hiện hành vi phạm tội.

Về nhân thân, bị cáo H1 có nhiều tiền án: ngày 23/3/2006 bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 10 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" theo Bản án số 35/2006/HSPT; ngày 28/11/2019 bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; ngày 16/5/2022 bị Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/01/2025. Mặc dù đã nhiều lần bị kết án và xử phạt tù nhưng bị cáo không sửa chữa mà tiếp tục phạm tội. Lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Từ Nhật H2: Bị cáo là người chủ mưu, khởi xướng việc sử dụng ma túy, đồng thời đưa số tiền 300.000 đồng cho bị cáo L để mua ma túy. Sau khi ma túy được mua về, bị cáo H2 cùng L và H1 sử dụng trái phép chất ma túy cho đến khi bị bắt quả tang. Mặc dù không trực tiếp thực hiện các khâu tiếp theo, nhưng hành động khởi xướng là yếu tố tiên quyết dẫn đến vụ án, có vai trò chủ động ban đầu. Về nhân thân, bị cáo H2 có 01 tiền án: ngày 06/01/2022 bị Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*, chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/11/2024, chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm, cho thấy bị cáo chưa thật sự ăn năn hối cải và chưa tu dưỡng bản thân sau khi chấp hành xong án phạt tù. Dù vai trò khởi xướng và tình tiết tái phạm là căn cứ để xem xét trách nhiệm, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng hành vi của bị cáo đã trực tiếp dẫn đến toàn bộ vụ án và cần được cân nhắc tương xứng với các bị cáo khác để có một mức hình phạt chung hợp lý.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Cả ba bị cáo đều có năng lực trách nhiệm hình sự, mặc dù có sự khác biệt về vai trò trực tiếp, nhưng cả ba bị cáo đều có lỗi cố ý ngang nhau trong việc sử dụng trái phép chất ma túy. Quan trọng hơn, cả ba đều là những người tái phạm, thể hiện thái độ coi thường pháp luật và mức độ nguy hiểm cho xã hội là tương đương nhau. Cụ thể, bị cáo L và H1 có tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm. Bị cáo H2 có tình tiết tăng nặng tái phạm, và mặc dù chưa đạt mức "nguy hiểm" như L và H1 nhưng vai trò khởi xướng của bị cáo lại là yếu tố then chốt, tiên quyết dẫn đến toàn bộ hành vi phạm tội chung. Hội đồng xét xử nhận thấy rằng, hành động khởi xướng của bị cáo H2, xét về mặt tạo ra ý định và điều kiện phạm tội, có mức độ lỗi cố ý ngang bằng với hành vi thực hành của các bị cáo còn lại. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và mức độ tham gia của từng bị cáo, đồng thời có xem xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhằm bảo đảm sự nghiêm minh của pháp luật, giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong

xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng mức hình phạt bằng nhau cho cả ba bị cáo Từ Nhật H2, Đặng Trần Tánh L và Phạm Văn H1.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Đặng Trần Tánh L, Phạm Văn H1 và Từ N đều thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Từ Nhật H2, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đặng Trần Tánh L và Phạm Văn H1, các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

[5] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để giải quyết:

Đối với 01 gói nylon bên trong chứa ma tuý, 01 nỏ thuỷ tinh và vỏ bao gói mẫu, sau khi phục vụ giám định, được niêm phong trong 02 bì thư (hoàn trả theo kết luận giám định số 318/KL-KTHS ngày 29/4/2025); 01 chai nhựa trên nắp chai có gắn ống hút, 01 bật lửa gas màu đỏ, đều là công cụ dùng vào việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý nên cần tịch thu tiêu huỷ.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu tím, gắn sim số 0763.648.364 của Phạm Văn H1, được bị cáo dùng để liên lạc trong quá trình phạm tội nên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi màu đen gắn sim số 0908.332177 và sim số 0343.299865 của Đặng Trần T1 L dùng để chuyển tiền cho Phạm Văn H1 mua ma tuý nên nên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động Samsung màu xanh bị hỏng, không sử dụng được của Đặng Trần Tánh L, trả lại cho L nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu N màu đen, gắn sim số 0905.402480 của bà Trần Thị B, Đặng Trần Tánh L đã tự ý lấy điện thoại liên lạc với Phạm Văn H1 trong quá trình phạm tội, bà B không biết nên trả lại cho bà B.

[6] Đối với xe mô tô hiệu Attila màu đen, BKS 92F1-033.53, qua tra cứu thì xe này do ông Nguyễn Q đứng tên chủ sở hữu, rồi bán lại cho người không rõ lai lịch vào năm 2021. Xe này do Phạm Văn C1 mua lại từ người không rõ lai lịch. Sau khi C1 đi cai nghiện thì H1 lấy xe sử dụng và dùng vào việc phạm tội. Do đó, tạm giao xe này cho Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh chủ sở hữu và xử lý sau.

[7] Đối với tài khoản ngân hàng OCB số 0763648364 của bị cáo Phạm Văn H1, trong đó có số tiền 300.000 đồng do bị cáo L chuyển để nhờ mua ma túy. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã có công văn phong tỏa số dư tài khoản này để bảo đảm thi hành án. Xét thấy việc phong tỏa là có căn cứ theo quy định tại Điều 128 Bộ luật Tố tụng hình sự, nên Hội đồng xét xử tiếp tục duy trì việc phong tỏa để xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.

1.1 Tuyên bố: Bị cáo Đặng Trần Tánh L phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*.

Căn cứ: điểm b, h khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Trần Tánh L **08** (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ 23/4/2025.

1.2. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn H1 phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*.

Căn cứ: điểm b, h khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn H1 **08** (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ 23/4/2025.

1.3. Tuyên bố: Bị cáo Từ Nhật H2 phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*.

Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Từ Nhật Hoàng **08** (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ 23/4/2025.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) gói ni lông bên trong chứa ma túy, 01 (một) nỏ thuy tinh và vỏ bao gói, sau khi phục vụ giám định, được niêm phong trong 02 (hai) bì thư (hoàn trả kết luận giám định số 318/KL-KTHS ngày 29/4/2025);
- 01 (một) chai nhựa trên nắp chai có gắn ống hút.
- 01 bật lửa gas màu đỏ.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động có chữ "VIVO", màu tím, gắn sim số 0763648364 (không kiểm tra chất lượng bên trong, không kiểm tra sim) của Phạm Văn H1.
- 01 (một) điện thoại di động có chữ "XIAOMI", màu đen, gắn sim số 0908332177, 0763648364 (không kiểm tra chất lượng bên trong, không kiểm tra sim) của Đặng Trần Tánh L.
- Trả lại 01 (một) điện thoại di động có chữ "SAMSUNG", màu xanh, bị hỏng (không kiểm tra chất lượng bên trong, không kiểm tra sim, bị bể mặt trước sau) cho Đặng Trần Tánh L nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án;
- Trả lại 01 (một) điện thoại di động có chữ "NOKIA", màu đen, gắn sim số 0905402480 (không kiểm tra chất lượng bên trong, không kiểm tra sim) cho bà Trần Thị B.

(Các vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 – Đà Nẵng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16 tháng 01 năm 2026).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án" của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Đặng Trần Tánh L, Phạm Văn H1, Từ Nhật Hoàng mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Bị cáo; người TGTT;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan thi hành án hình sự CA Đà Nẵng;
- Phòng thi hành án dân sự Khu vực 3 – Đà Nẵng;
- Trại tạm giam số 1, Công an TP. Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Sở tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Kim Ánh